BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐH KIẾN TRÚC HÀ NỘI
Số : 379/QĐ-ĐHKT- ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định giảng dạy và học Ngoại ngữ
của các Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Quyết định số 181/CP ngày 17/09/1969 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội ;

Căn cứ Quyết định số 1436/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 của Bộ Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2658/QĐ-BGDĐT ngày 23/8/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch triển khai Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025;

Căn cứ Công văn số 5957/BGDĐT-GDĐH ngày 20/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn dạy học ngoại ngữ tăng cường;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định giảng dạy và học Ngoại ngữ của các Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

Điều 2. Quy định này được áp dụng từ khoá 2023 trở đi.

Điều 3. Các đơn vị, cá nhân có liên quan và sinh viên trình độ đại học hệ chính quy chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu;
- CTHĐT;
- Như điều 3;
- Lưu: ĐT, VT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

PGS.TS.KTS: Lê Quân

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐH KIẾN TRÚC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Giảng dạy và học ngoại ngữ
trình độ đại học hệ chính quy chương trình đại trà

(Ban hành kèm theo Quyết định số 379 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định công tác đánh giá trình độ đầu vào ngoại ngữ, giảng dạy và học ngoại ngữ tăng cường, ngoại ngữ chính khoá (các học phần ngoại ngữ trong chương trình đào tạo của ngành mà sinh viên trúng tuyển) của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, bao gồm: Chuẩn đầu vào ngoại ngữ, chuẩn đầu ra ngoại ngữ; khảo sát nhu cầu học ngoại ngữ, đánh giá trình độ ngoại ngữ đầu vào; giảng dạy và học tập ngoại ngữ tăng cường; giảng dạy và học tập ngoại ngữ chính khoá; đánh giá học phần ngoại ngữ và quy đổi điểm ngoại ngữ; xử lý vi phạm.

2. Đối tượng áp dụng Quy định này gồm: Giảng viên giảng dạy ngoại ngữ, sinh viên **trình độ đại học hệ chính quy chương trình đại trà từ khoá 2023**, các đơn vị và cá nhân liên quan đến công tác giảng dạy và học ngoại ngữ của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

Điều 2. Mục đích

1. Kiểm tra trình độ ngoại ngữ đầu vào nhằm mục đích đánh giá, phân loại trình độ ngoại ngữ của sinh viên ngay sau khi trúng tuyển đại học hệ chính quy vào Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội. Kết quả kiểm tra là căn cứ để sinh viên các ngành học ngoại ngữ phù hợp trình độ thực tế của sinh viên, xét miễn

học/miễn thi các học phần ngoại ngữ tăng cường, ngoại ngữ chính khoá (không bao gồm ngoại ngữ chuyên ngành).

2. Việc giảng dạy và học ngoại ngữ tăng cường giúp cho các sinh viên chưa đạt chuẩn đầu vào ngoại ngữ có cơ hội học tập nâng cao trình độ, tiến tới đạt chuẩn đầu vào ngoại ngữ để có đủ điều kiện đăng ký học các học phần ngoại ngữ chính khoá hoặc đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định của Nhà trường.

Điều 3. Môn học ngoại ngữ và các học phần ngoại ngữ

1. Ngoại ngữ được giảng dạy tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội bao gồm Tiếng Anh và Tiếng Pháp. Sinh viên phải lựa chọn một trong hai ngoại ngữ để học trong chương trình đào tạo đã trúng tuyển.

2. Tiếng Anh được tổ chức giảng dạy và học tập theo định hướng TOEIC. Tiếng Pháp được tổ chức giảng dạy và học tập theo định hướng Khung ngôn ngữ tham chiếu chung Châu Âu (CEFR).

3. Một môn học Ngoại ngữ được thiết kế gồm các học phần ngoại ngữ tăng cường và các học phần ngoại ngữ chính khoá theo quy định tại khoản 3 Điều 11 và khoản 3 Điều 12 của Quy định này, như sau:

a. Ngoại ngữ tăng cường:

Ngoại ngữ tăng cường có 2 học phần, mỗi học phần có khối lượng 3 tín chỉ, bao gồm:

- Các học phần tiếng Anh tăng cường: Tiếng Anh tăng cường P1, Tiếng Anh tăng cường P2;

- Các học phần tiếng Pháp tăng cường: Tiếng Pháp tăng cường P1, Tiếng Pháp tăng cường P2;

b. Ngoại ngữ chính khoá:

- Ngoại ngữ chính khoá gồm 2 phần: Ngoại ngữ cơ bản và ngoại ngữ chuyên ngành;

- Ngoại ngữ cơ bản có 2 học phần, mỗi học phần có khối lượng 3 tín chỉ, bao gồm:

+ Các học phần tiếng Anh cơ bản: Tiếng Anh P1, Tiếng Anh P2;

+ Các học phần tiếng Pháp cơ bản: Tiếng Pháp P1, Tiếng Pháp P2;

- Ngoại ngữ chuyên ngành có 1 học phần, 2 tín chỉ, bao gồm: Tiếng Anh chuyên ngành, Tiếng Pháp chuyên ngành.

4. Ngoại ngữ được giảng dạy và học cho sinh viên thuộc diện Lưu học sinh là Tiếng Việt, bao gồm: Tiếng Việt Phần 1 có khối lượng 2 tín chỉ; Tiếng Việt Phần 2 có khối lượng 3 tín chỉ; Tiếng Việt Phần 3 có khối lượng 2 tín chỉ.

5. Chương trình tiên tiến ngành Kiến trúc, Chương trình cử nhân Kiến trúc Pháp (DEEA), Chương trình Cử nhân Kiến trúc Nội thất (KTNT), việc giảng dạy và học ngoại ngữ được thực hiện theo Chương trình đào tạo.

6 . Sinh viên đang học Tiếng Anh muốn chuyển sang học Tiếng Pháp (hoặc ngược lại) thì phải học lại từ học phần tăng cường, không được chuyển đổi điểm tương đương giữa các học phần ngoại ngữ đã học.

Điều 4. Giảng viên, cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và học ngoại ngữ

1. Giảng viên giảng dạy các môn học ngoại ngữ phải đáp ứng các tiêu chuẩn về chức danh nghề nghiệp quy định tại Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập.

2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị cần thiết phục vụ giảng dạy và học ngoại ngữ được Nhà trường đáp ứng trên cơ sở nhu cầu thực tế và khả năng tài chính của Nhà trường.

Chương II

CHUẨN ĐẦU VÀO VÀ CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Điều 5. Lộ trình áp dụng chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra tiếng Anh

Chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra tiếng Anh được áp dụng đối với sinh viên từ khóa 2023.

Tuỳ theo tình hình thực tế, Hiệu trưởng có thể quyết định thay đổi chuẩn đầu vào, đầu ra của khoá học.

Điều 6. Chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra tiếng Anh

1. Chuẩn đầu vào: tương đương TOEIC 300 điểm.

2. Chuẩn đầu ra: tương dương TOEIC 450 điểm.

Điều 7. Chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra tiếng Pháp

1. Chuẩn đầu vào

Chuẩn đầu vào tiếng Pháp là Cấp độ A2 CEFR, tương đương Bậc 2 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam được quy định tại Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, tập trung vào 2 kỹ năng đọc và viết.

2. Chuẩn đầu ra

a. Chuẩn đầu ra tiếng Pháp là Cấp độ B1 CEFR, tương đương Bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, tập trung vào 2 kỹ năng đọc và viết.

b. Sinh viên đạt điểm D trở lên tất cả các học phần tiếng Pháp được coi là đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ của Trường.

Chương III

KHẢO SÁT NHU CẦU HỌC NGOẠI NGỮ; ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ ĐẦU VÀO NGOẠI NGỮ

Điều 8. Khảo sát nhu cầu học ngoại ngữ

Trong thời gian sinh viên trúng tuyển làm thủ tục nhập học, căn cứ vào danh sách thí sinh trúng tuyển và danh sách lớp sinh viên (lớp hành chính) được duyệt, Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế thực hiện việc khảo sát nhu cầu học ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Pháp) của sinh viên, lập danh sách sinh viên đăng ký kiểm tra trình độ đầu vào Tiếng Anh và trình Hiệu trưởng thông qua kế hoạch tổ chức bài thi TOEIC Placement Test (bài thi phân loại trình độ của TOEIC); đồng thời thông báo kế hoạch cho các đơn vị và sinh viên biết để phối hợp thực hiện. Sau đó, sinh viên đăng ký tham dự bài thi TOEIC Placement Test với Phòng Chính trị và Công tác sinh viên và nộp kinh phí dự thi theo quy định.

Điều 9. Đối tượng tham gia kiểm tra trình độ đầu vào ngoại ngữ

1. Kiểm tra trình độ đầu vào ngoại ngữ được áp dụng đối với tất cả sinh viên năm nhất có nhu cầu học Tiếng Anh, trừ các trường hợp quy định tại khoản

2 Điều này. Sinh viên các khoá khác không được đăng ký tham gia kiểm tra cùng sinh viên khóa mới.

2. Sinh viên được miễn kiểm tra trình độ đầu vào Tiếng Anh nếu tại thời điểu kiểm tra trình độ đầu vào ngoại ngữ, sinh viên có văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng quy định tại khoản 1 của Điều 23 và có điểm quy đổi cao hơn hoặc bằng điểm chuẩn đầu vào ngoại ngữ quy định tại Điều 6 hoặc Điều 7 của Quy định này.

3. Sinh viên không tham gia kiểm tra trình độ đầu vào Tiếng Anh sẽ phải học các học phần Tiếng Anh Tăng cường trước khi học các học phần Tiếng Anh Cơ bản và Tiếng Anh Chuyên ngành.

Điều 10. Thời gian kiểm tra đánh giá

1. Nhà trường chỉ tổ chức kiểm tra trình độ đầu vào Tiếng Anh cho sinh viên đầu khóa mỗi năm một đợt. Thời điểm kiểm tra sau khi thí sinh trúng tuyển đại học hệ chính quy đã hoàn tất thủ tục nhập học và trước khi học kỳ II của năm học bắt đầu.

2. Kế hoạch tổ chức kiểm tra trình độ đầu vào ngoại ngữ sẽ được Nhà trường thông báo cụ thể trong Tuần sinh hoạt công dân cho sinh viên đầu khóa và trên Cổng thông tin sinh viên của Trường.

Điều 11. Xếp lớp học theo kết quả đánh giá trình độ đầu vào tiếng Anh

1. Sinh viên được đánh giá trình độ tiếng Anh đầu vào bằng bài thi TOEIC Placement Test, với thang điểm từ 10 đến 990 điểm.

2. Cấu trúc bài thi TOEIC Placement Test được thể hiện trong Phụ lục 1.

3. Căn cứ vào mức điểm thi TOEIC Placement Test, sinh viên sẽ được xếp vào học ở một trong các học phần (Course) được đặt tên theo trình độ tăng dần từ Course 0 đến Course 3 với mức điểm chuẩn đầu vào, điểm chuẩn đầu ra được thể hiện trong bảng dưới đây:

Học phần (Course)	**Điểm TOEIC đầu vào** (Điểm tối thiểu)	**Điểm TOEIC đầu ra** (Điểm tối thiểu)
1. Tiếng Anh tăng cường		

Học phần	Điểm TOEIC đầu vào	Điểm TOEIC đầu ra
Course 0 Tiếng Anh tăng cường P1	Dưới 200	200
Course 1 Tiếng Anh tăng cường P2	200	300
2. Tiếng Anh cơ bản		
Course 2 Tiếng Anh P1	300	350
Course 3 Tiếng Anh P2	350	450
3. Tiếng Anh chuyên ngành (nếu có)		
Tiếng Anh chuyên ngành	450	

4. Sinh viên đạt điểm TOEIC đầu ra từ 200 điểm trở lên thì được miễn học, miễn thi các học phần tiếng Anh tăng cường, tiếng Anh cơ bản tương ứng theo Khoản 3 Điều 11 Quy định này. Sinh viên được miễn học, miễn thi học phần Tiếng Anh nào sẽ được đăng ký học học phần tiếng tiếp theo theo Chương trình đào tạo của ngành.

5. Kết quả đánh giá trình độ đầu vào Tiếng Anh sẽ là cơ sở để xét miễn học/miễn thi, quy đổi điểm cho các học phần Tiếng Anh tương ứng. Sau khi kết thúc việc kiểm tra trình độ đầu vào Tiếng Anh, bảng điểm TOEIC Placement Test và bảng điểm quy đổi điểm TOEIC Placement Test thành điểm học phần tiếng Anh cơ bản được trình lên Hiệu trưởng xem xét, phê duyệt. Sau đó, các bảng điểm này được chuyển cho Phòng Đào tạo và Phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và các đơn vị liên quan khác để thực hiện các công việc tiếp theo theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Điều 26 của Quy định này.

6. Sinh viên phải tự lưu kết quả kiểm tra trình độ đầu vào Tiếng Anh và nộp cho Phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng theo khoản 3 Điều 19 .

7. Sinh viên **không** tham dự TOEIC Placement Test và không nộp các văn bằng, chứng chỉ tiếng Anh theo quy định tại khoản 1 Điều 23 sẽ phải đăng ký học từ tiếng Anh tăng cường P1 (Course 0).

8. Sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ phải nộp chứng chỉ cho phòng đào tạo tại thời điểm trước ngày đăng ký kiểm tra trình độ đầu vào Tiếng Anh.

Chứng chỉ đạt điểm tương đương với điểm TOEIC đầu ra và còn giá trị trong học phần tiếng Anh nào (theo Chương trình đào tạo) sẽ được miễn học, miễn thi học phần tiếng Anh đó. (không bao gồm tiếng Anh chuyên ngành). Điểm thi TOEIC hoặc chứng chỉ tiếng Anh của sinh viên sẽ được quy đổi thành điểm học phần tiếng Anh cơ bản theo quy định tại Điều 23 của Quy định này.

Điều 12. Xếp lớp học tiếng Pháp

1. Sinh viên sẽ được xếp vào các lớp học phần tiếng Pháp theo trình độ như sau:

Học phần	**Điểm chuẩn đầu vào** *(Điểm tối thiểu)*	**Điểm chuẩn đầu ra** *(Điểm tối thiểu)*
1. Tiếng Pháp tăng cường		
Cấp độ A1 Tiếng Pháp tăng cường P1	TCF 100	- TCF 200 hoặc DELF A1; - Điểm học phần đạt từ D trở lên.
Cấp độ A2 Tiếng Pháp tăng cường P2	- TCF 200 hoặc DELF A1; - Điểm Tiếng Pháp tăng cường P1 đạt từ D trở lên.	- TCF 300 hoặc DELF A2; - Điểm học phần đạt từ D trở lên.
2. Tiếng Pháp cơ bản		
Tiếng Pháp P1	- TCF 300 hoặc DELF A2; - Điểm Tiếng Pháp tăng cường P2 đạt từ D trở lên.	- TCF 350; - Điểm học phần đạt từ D trở lên.
Tiếng Pháp P2 **Cấp độ B1**	- TCF 350; - Điểm Tiếng Pháp P1 đạt từ D trở lên.	- TCF 400 hoặc DELF B1; - Điểm học phần đạt từ D trở lên.
3. Tiếng Pháp chuyên ngành (nếu có)		
Tiếng Pháp chuyên ngành	- TCF 400 hoặc DELF B1;	

2. Sinh viên sẽ phải học từ tiếng Pháp tăng cường P1 (cấp độ A1) do tiếng Pháp không có kỳ thi kiểm tra trình độ đầu vào.

3. Sinh viên có chứng chỉ TCF hoặc DELF đạt điểm chuẩn đầu ra của học phần tiếng Pháp nào sẽ được miễn học, miễn thi các học phần tiếng Pháp đó (Không bao gồm tiếng Pháp chuyên ngành).

Chương IV

GIẢNG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ

Mục 1

GIẢNG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ TĂNG CƯỜNG

Điều 13. Điều kiện học ngoại ngữ tăng cường

1. Việc học ngoại ngữ tăng cường tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội là không bắt buộc, nhưng để đảm bảo chất lượng đào tạo, Nhà trường khuyến khích sinh viên đăng ký học tại Trường.

2. Sinh viên chọn Ngoại ngữ là tiếng Anh sẽ thuộc diện học tiếng Anh tăng cường nếu có điểm TOEIC Placement Test đạt dưới 300 điểm hoặc sinh viên không tham gia TOEIC Placement Test và không nộp chứng chỉ Ngoại ngữ hoặc Chứng chỉ ngoại ngữ không đáp ứng yêu cầu về chuẩn đầu vào của Tiếng Anh cơ bản (dưới 300 TOEIC) hoặc giá trị không còn đủ thời hạn (dưới 05 tháng).

3. Sinh viên chọn Ngoại ngữ là tiếng Pháp sẽ bắt buộc phải học từ tiếng Pháp tăng cường P1 (cấp độ A1).

Điều 14. Các học phần ngoại ngữ tăng cường

1. Các học phần tiếng Anh tăng cường

Tiếng Anh tăng cường gồm 2 học phần, được phân biệt bằng kết quả điểm bài thi phân loại trình độ của TOEIC quy định tại điểm a khoản 3 Điều 11 của Quy định này, như sau:

a. Học phần Tiếng Anh tăng cường Phần 1 tương ứng với Course 0, có khối lượng 3 tín chỉ, tương đương với 56 giờ học trực tuyến trên mạng internet (online) và 45 tiết học trực tiếp trên lớp (offline);

b. Học phần Tiếng Anh tăng cường Phần 2 tương ứng với Course 1, có khối lượng 3 tín chỉ, tương dương với 60 giờ học online và 45 tiết học offline.

2. Các học phần Tiếng Pháp tăng cường

Tiếng Pháp tăng cường gồm 2 học phần, được phân loại trình độ theo Chứng chỉ TCF hoặc DELF (nếu có) quy định tại khoản 3 Điều 12 của Quy định này. Mỗi học phần tiếng Pháp tăng cường (Tiếng Pháp tăng cường P1, Tiếng Pháp tăng cường P2) có khối lượng 3 tín chỉ, tương đương với 45 tiết học trên lớp có giảng viên hướng dẫn và 45 tiết tự học;

Điều 15. Giảng dạy và học Tiếng Anh tăng cường

1. Sinh viên phải học các học phần Tiếng Anh tăng cường bằng hai hình thức đồng thời là học online theo chương trình học tiếng Anh trực tuyến English Discoveries (viết tắt là ED) và học offline.

2. Nội dung, hình thức giảng dạy và học tiếng Anh tăng cường được thể hiện trong *Phụ lục 2.*

Điều 16. Dạy và học tiếng Pháp tăng cường

1. Sinh viên phải học các học phần Tiếng Pháp tăng cường bằng hai hình thức đồng thời là học trực tiếp trên lớp và tự học.

2. Nội dung, hình thức giảng dạy và học tiếng Pháp tăng cường được thể hiện trong *Phụ lục 3.*

Mục 2

GIẢNG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ CHÍNH KHOÁ

Điều 17. Dạy và học tiếng Anh chính khoá

1. Sinh viên phải học các học phần Tiếng Anh chính khoá bằng hai hình thức đồng thời là học trực tuyến (online) và học trực tiếp trên lớp (offline).

2. Nội dung, hình thức giảng dạy và học tiếng Anh chính khoá được thể hiện trong *Phụ lục 4.*

Điều 18. Dạy và học tiếng Pháp chính khoá

1. Sinh viên phải học các học phần Tiếng Pháp chính khóa bằng hai hình thức đồng thời là học có hướng dẫn của giảng viên trên lớp và tự học ở nhà (có bài tập và kiểm tra đánh giá định kỳ).

2. Nội dung, hình thức giảng dạy và học tiếng Pháp chính khoá được thể hiện trong *Phụ lục 5.*

Điều 19. Đăng ký học phần Ngoại ngữ

1. Sinh viên tự lựa chọn và tự đăng ký học học phần Tiếng Anh hoặc học phần Tiếng Pháp theo thứ tự điều kiện tiên quyết và phải đăng ký theo đúng chương trình đào tạo và Kế hoạch đào tạo của năm học.

2. Trong 01 học kỳ, sinh viên được phép đăng ký 02 học phần Ngoại ngữ nhưng không được phép đăng ký cùng 1 nhịp.

3. Trong thời gian đăng ký khối lượng học tập các học phần Tiếng Anh theo chương trình đào tạo của ngành học, sinh viên có kết quả kiểm tra đầu vào (TOEIC Placement Test) hoặc Chứng chỉ ngoại ngữ đủ điểm được miễn học, miễn thi theo khoản 3 Điều 11 thì không đăng ký các học phần Tiếng Anh đó và phải nộp bảng điểm TOEIC Placement Test hoặc Chứng chỉ ngoại ngữ cho Phòng Khảo thí để được quy đổi điểm cho học phần đó. Trường hợp hết hạn đăng ký khối lượng học tập mà sinh viên không nộp điểm TOEIC Placement Test hoặc Chứng chỉ ngoại ngữ thì sẽ không được miễn học, miễn thi và phải đăng ký học lại học phần Tiếng Anh.

4. Tất cả các trường hợp đăng ký sai theo hướng dẫn sẽ không được học và không được công nhận kết quả. Sinh viên phải đăng ký lại và học lại.

5. Sinh viên phải có account ED để được học các học phần Tiếng Anh tăng cường phần 1, Tiếng Anh tăng cường phần 2, Tiếng Anh phần 1 và Tiếng Anh phần 2. Sinh viên xem hướng dẫn và đăng ký TK ED tại link sau: http://Bit.ly/reg-ed-hau.

Chương V

ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN NGOẠI NGỮ

Điều 20. Đánh giá các học phần ngoại ngữ

Sinh viên đăng ký học các học phần ngoại ngữ cơ bản, ngoại ngữ chuyên ngành phải theo đúng Chương trình đào tạo và Kế hoạch đào tạo hàng năm của ngành theo học.

Việc đánh giá kết quả học tập các học phần ngoại ngữ chính khoá được tổ chức thi theo kế hoạch thi hàng năm do Phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phối hợp với Phòng Đào tạo, Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế của Nhà trường thực hiện theo hình thức quy định tại Điều 21 và Điều 22 của Quy định này.

Điều 21. Đánh giá các học phần tiếng Anh

1. Hình thức kiểm tra, đánh giá các học phần tiếng Anh cơ bản được quy định trong bảng sau:

TT	Điểm thành phần	Tỷ trọng điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Thời gian tiến hành
1	Chuyên cần	10%	- Sự chăm chỉ, nghiêm túc trong học trực tuyến (dựa trên các báo cáo của ED): 5%; - Tham gia đầy đủ các buổi học trực tiếp theo yêu cầu của Nhà trường: 5%.	- Kiểm tra báo cáo ED hàng tuần; - Đánh giá trực tiếp trên lớp trong từng buổi học.
2	Các bài kiểm tra ED trực tuyến	10%	- Điểm các bài kiểm tra trong chương trình ED trực tuyến.	- Kiểm tra báo cáo ED hàng tuần.
3	Speaking trên lớp	5%	- Tham gia tích cực vào các buổi học trực tiếp.	- Đánh giá của GV về sự tích cực tham gia vào các buổi học trực tiếp trong 15 tuần.
4	Kiểm tra ED 15-20 phút (ED Review test)	15%	- GV kiểm tra kiến thức học trực tuyến của sinh viên bằng bài kiểm tra gồm các nội dung: Nghe, Đọc, Từ vựng, Ngữ pháp lấy từ ED.	- Mỗi kỳ có 7 bài kiểm tra; các bài kiểm tra được tổ chức sau từ 2 đến 3 tuần vào các buổi học trực tiếp.
5	Thi kết thúc học phần (Achievement test)	60%	- Course 0 và Course 1: Bài thi Achievement test cuối kỳ dựa trên nội dung giáo trình ED. Nội dung: Từ vựng, Ngữ pháp, Nghe, Đọc, Viết; thời gian làm bài mỗi Course: 60 phút; - Course 2 và Course 3: Bài thi	- Kết thúc học phần

TT	Điểm thành phần	Tỷ trọng điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Thời gian tiến hành
			Achievement test theo định dạng TOEIC Nghe và Đọc, độ khó của câu hỏi theo đúng trình độ của từng khóa học; thời gian làm bài: Course 2: 60 phút, Course 3: 90 phút.	

2. Hình thức kiểm tra, đánh giá học phần tiếng Anh chuyên ngành được thực hiện theo đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt.

Điều 22. Đánh giá các học phần Tiếng Pháp

1. Hình thức kiểm tra, đánh giá các học phần Tiếng Pháp cơ bản như sau:

TT	Điểm thành phần	Tỷ trọng điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Thời gian tiến hành
1	Chuyên cần	10%	- Sự chăm chỉ, nghiêm túc trên lớp học; - Làm và nộp bài tập đầy đủ.	Đánh giá trực tiếp trên lớp trong từng buổi học.
2	Kiểm tra giữa kỳ	10%	- Điểm bài kiểm tra giữa kỳ.	Lập phiếu điểm theo dõi.
3	Thi kết thúc học phần	80%	- Bài thi dựa trên nội dung giáo trình do Bộ môn tiếng Pháp biên soạn ở cấp độ B1 CEFR. - Thời gian làm bài: 90 phút.	Kết thúc học phần.

2. Dạng thức bài thi đánh giá học phần tiếng Pháp cơ bản, hình thức kiểm tra, đánh giá và dạng thức bài thi đánh giá học phần tiếng Pháp chuyên ngành được thực hiện theo đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt.

Điều 23. Quy đổi điểm văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế sang điểm học phần ngoại ngữ cơ bản

1. Quy định chung

a) Sinh viên có các văn bằng, chứng chỉ tiếng Anh hoặc tiếng Pháp quốc tế với số điểm theo quy định và còn thời hạn giá trị hoặc có bằng đại học tiếng Anh, tiếng Pháp do các cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và đao tạo cấp phép cấp sẽ được miễn học và miễn thi các học phần tiếng Anh hoặc tiếng Pháp cơ bản. Điểm quy đổi tương đương từ các chứng chỉ và bằng ngoại ngữ về điểm học phần ngoại ngữ cơ bản được quy định tại khoản 2 Điều này. Các văn bằng, chứng chỉ phải được nộp về Phòng Thanh tra – Khảo thí và Đảm bảo chất lượng trước ngày đăng ký kiểm tra trình độ đầu vào ngoại ngữ. Sinh viên nộp sau thời gian quy định sẽ không được chấp nhận.

b) Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế của sinh viên được Trường xét miễn học và miễn thi các học phần tiếng Anh tương đương là TOEIC, TOEFL ITP (thi trên giấy), TOEFL iBT (thi trên mạng internet) và IELTS. Thời hạn giá trị của các chứng chỉ quốc tế là 02 năm kể từ ngày cấp. Tại điểm nộp, chứng chỉ phải vẫn còn giá trị từ 3 tháng trở lên.

c) Các văn bằng, chứng chỉ tiếng Pháp của sinh viên được Nhà trường xét miễn học các học phần tiếng Pháp cơ bản bao gồm:

- Bằng quốc tế tiếng Pháp DELF là văn bằng chính thức đánh giá trình độ tiếng Pháp của người nước ngoài do Bộ Giáo dục Quốc gia và Bộ Giảng dạy Đại học Pháp cấp, có giá trị vĩnh viễn.

- Bằng tú tài song ngữ Việt – Pháp (Le bac francophone hệ bilingue) được Campus France (Văn phòng chính thức của Đại sứ quán Pháp, phụ trách du học sinh Việt Nam sang Pháp) công nhận, có giá trị trọn đời.

- Chứng chỉ quốc tế TCF có thời hạn là 02 năm kể từ ngày cấp. Tại thời điểm nộp, chứng chỉ phải vẫn còn giá trị từ 3 tháng trở lên.

d) Sinh viên phải làm đơn xin quy đổi điểm học phần ngoại ngữ theo quy định của Nhà trường nếu có mong muốn được quy đổi điểm từ các chứng chỉ tiếng Anh, tiếng Pháp quốc tế có giá trị, bằng đại học tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc từ kết quả thi đánh giá trình độ đầu vào ngoại ngữ.

2. Bảng điểm quy đổi

a, Thời hạn văn bằng, chứng chỉ để Quy đổi các học phần ngoại ngữ.

- Tại thời điểm nộp chứng chỉ, chứng chỉ còn thời hạn từ 05 tháng trở lên (tương đương 1 kỳ học) mới đủ điều kiện để xét miễn học, miễn thi các học phần ngoại ngữ tăng cường.

- Tại thời điểm tổ chức các học phần ngoại ngữ cơ bản (Theo chương trình và kế hoạch đào tạo), chứng chỉ còn thời hạn từ 03 tháng trở lên (tương đương 1 nhịp học) mới đủ điều kiện để xét miễn học, miễn thi các học phần ngoại ngữ cơ bản tương ứng.

b) Bảng điểm quy đổi tiếng Anh:

- Học phần Tiếng Anh Phần 1:

Điểm TOEIC	Điểm IELTS	Điểm TOEFL ITP	Điểm TOEFL IBT	Điểm quy đổi
350	3.5	397 - 433	35 - 40	7
365	4.0	437 - 473	41 - 52	8
380	4.5	477 - 510	53 - 64	9
≥390	5.0 -9.0	513-677	65 - 120	10

- Học phần Tiếng Anh Phần 2:

Điểm TOEIC	Điểm IELTS	Điểm TOEFL ITP	Điểm TOEFL IBT	Điểm quy đổi
450	4.5	477 - 510	53 - 64	7
465	5.0	513-547	65 - 78	8
480	5.5	550-587	79-95	9
≥490	6.0-9.0	590-677	96-120	10

c) Bảng điểm quy đổi tiếng Pháp:

* Điểm quy đổi giữa DELF và TCF như sau:

Chứng chỉ tiếng Pháp quốc tế	Quy đổi giữa DELF và TCF		
DELF	A1	A2	B1
TCF	100-199 (TCF 1)	200-299 (TCF 2)	300-399 (TCF 3)

* Cách quy đổi các bằng và chứng chỉ này sang thang điểm 10 như sau:

- Học phần Tiếng Pháp phần 1:

DELF B2	DELF B1	DELF A2	TCF	Điểm quy đổi
	35 – 40	40 – 45	200 – 250	7
	41 – 45	46 – 50	251 – 300	8
	46 – 50	51 – 60	301 – 350	9

> 50	51 – 90	61 – 90	351 – 499	10

- Học phần Tiếng Pháp phần 2:

DELF B2	DELF B1	TCF	Điểm quy đổi
	40 – 45	251 – 300	7
	46 – 50	301 – 350	8
	51 – 60	351 – 400	9
> 50	61 – 90	401 – 499	10

* Đối với bằng tú tài song ngữ Pháp - Việt: Xét điểm dựa trên kết quả điểm môn tiếng Pháp ở lớp 12 THPT.

Chương IV

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 24. Xử lý vi phạm đối với sinh viên sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ giả, bằng ngoại ngữ giả

Sinh viên sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ giả, bằng ngoại ngữ giả nhằm mục đích gian lận trong học tập tại trường sẽ bị buộc thôi học và bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 25. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Sinh viên vi phạm các quy định kiểm tra trong quá trình tham gia kiểm tra trình độ đầu vào Tiếng Anh sẽ không được công nhận kết quả kiểm tra.

2. Sinh viên vi phạm các quy định về học và thi hết học phần ngoại ngữ tăng cường, ngoại ngữ chính khoá sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của quy định của Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định về đánh giá kết quả học tập các học phần của sinh viên hệ chính quy hiện hành của Nhà trường hoặc các quy định liên quan khác.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Tổ chức lớp học

1. Số lượng sinh viên một lớp ngoại ngữ tối đa là 40 sinh viên/lớp nhằm đảm bảo việc giảng dạy và học tập trên tài khoản ED đối với Tiếng Anh.

2. Với những lớp có số lượng sinh viên lớn hơn 40 sinh viên/lớp phải có ý kiến của Nhà trường.

3. Sinh viên được miễn học, miễn thi các học phần ngoại ngữ sẽ không phải đóng học phí các học phần đó.

Điều 27. Trách nhiệm của các đơn vị trong Trường

1. Phòng Đào tạo: Chủ trì và phối hợp tổ chức thực hiện các công tác liên quan đến kiểm tra trình độ đầu vào Tiếng Anh; lập kế hoạch và thời khoá biểu cho các lớp học phần ngoại ngữ tăng cường, các lớp học phần ngoại ngữ chính khoá; lọc điểm kiểm tra trình độ đầu vào Tiếng Anh theo kết quả của Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế gửi; soạn thảo quyết định miễn học, miễn thi theo quy định trình Hiệu trưởng phê duyệt; thực hiện công tác tổ chức và quản lý đào tạo theo quy định.

2. Viện đào tạo và Hợp tác quốc tế: Thực hiện các công việc liên quan được quy định tại Điều 8 của Quy định này; chủ trì và phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc tổ chức và thực hiện công tác kiểm tra trình độ đầu vào ngoại ngữ; công bố kết quả kiểm tra trình độ đầu vào ngoại ngữ; chịu trách nhiệm về nội dung, chương trình, tài liệu giảng dạy và giảng dạy ngoại ngữ tăng cường, ngoại ngữ chính khoá; phối hợp trong công tác đánh giá học phần ngoại ngữ.

3. Phòng Thanh tra – Khảo thí và Đảm bảo chất lượng: Chủ trì và phối hợp tổ chức thực hiện các công tác liên quan đến đánh giá các học phần ngoại ngữ; quy đổi điểm thi TOEIC Placement Test sang điểm học phần; xác thực và quy đổi điểm tương đương của các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế; nhập điểm học phần vào hệ thống phần mềm quản lý điểm.

4. Phòng Chính trị và Công tác sinh viên: Phối hợp với Viện đào tạo và Hợp tác quốc tế trong việc lập kế hoạch tổ chức TOEIC Placement Test; trợ giúp đối tác trong việc tổ chức cho sinh viên đăng ký và thu phí đăng ký tham dự TOEIC Placement Test, mua tài khoản ED.

5. Phòng Quản trị Thiết bị: Chuẩn bị cơ sở vật chất đáp ứng các yêu cầu của công tác kiểm tra trình độ đầu vào ngoại ngữ, đánh giá trình độ đầu ra ngoại ngữ.

6. Trung tâm Thông tin thư viện: Chuẩn bị các nguồn học liệu đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học ngoại ngữ của giảng viên và sinh viên.

7. Các khoa và các đơn vị khác có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cụ thể khi có đề nghị; lưu trữ kết quả kiểm tra trình độ đầu vào Tiếng Anh, quyết định miễn thi, miễn học Tiếng Anh… để hỗ trợ sinh viên khi cần.

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Quy định này được áp dụng đối với sinh viên hệ chính quy nhập học từ năm 2023 trở đi.

2. Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy định này do Hiệu trưởng quyết định.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS.KTS. Lê Quân

Phụ lục 1

Cấu trúc bài thi đánh giá trình độ đầu vào tiếng Anh

(TOEIC Placement Test)

Bài thi theo hình thức trắc nghiệm được thực hiện trong 120 phút, gồm 200 câu hỏi chia thành hai phần như sau:

1. Phần nghe hiểu

a) Mục đích: Đánh giá trình độ nghe hiểu ngôn ngữ nói tiếng Anh;

b) Thời gian: 45 phút;

c) Nội dung và hình thức: Sinh viên sẽ nghe các câu miêu tả, câu hỏi, hội thoại và đoạn thông tin bằng tiếng Anh, sau đó lựa chọn câu trả lời dựa trên những nội dung đã nghe. Nội dung bao gồm 100 câu hỏi với 4 phần được thực hiện qua băng casset hoặc đĩa CD trong thời gian, cụ thể như sau:

+ Mô tả tranh: 06 câu hỏi;

+ Hỏi - đáp: 25 câu hỏi;

+ Hội thoại ngắn: 39 câu (13 đoạn hội thoại, mỗi đoạn có 3 câu hỏi tương ứng);

+ Độc thoại: 30 câu (10 đoạn thông tin, mỗi đoạn có 3 câu hỏi tương ứng);

2. Phần đọc hiểu

a) Mục đích: Đánh giá trình độ hiểu ngôn ngữ viết tiếng Anh;

b) Thời gian: 75 phút;

c) Nội dung và hình thức: Thí sinh đọc các thông tin trong đề thi và lựa chọn câu trả lời dựa vào nội dung đã đọc bao gồm 100 câu hỏi với 3 phần như sau:

+ Hoàn thành câu: 30 câu hỏi;

+ Hoàn thành đoạn văn: 16 câu hỏi;

+ Đọc hiểu đoạn đơn: 29 câu hỏi (10 đoạn văn, mỗi đoạn có từ 2 đến 4 câu hỏi tương ứng);

+ Đọc hiểu đoạn kép: 25 câu hỏi (5 nhóm đoạn văn, mỗi nhóm có 5 câu hỏi).

Phụ lục 2

Giảng dạy và học tiếng Anh tăng cường

1. Học phần Tiếng Anh tăng cường Phần 1

a) Học online:

- Giáo trình: First Discoveries và Basic 1;

- Hình thức học: Sinh viên tự học, có sự giám sát, hỗ trợ online của giảng viên;

- Thời lượng: Học trong 15 tuần với tổng số 56 giờ, cụ thể như sau:

+ Giáo trình First Discoveries: Phần đầu học trong 3 tuần, mỗi tuần học 2 unit; phần sau học trong 2 tuần, mỗi tuần học 01 unit; mỗi unit học trong 02 giờ;

+ Giáo trình Basic 1: Học trong 10 tuần, mỗi tuần học 1 unit; mỗi unit học trong 4 giờ;

b) Học offline:

- Nội dung học:

+ Ôn tập ED: Từ vựng, ngữ pháp, nói, viết;

+ Làm bài kiểm tra ED;

- Thời lượng: Học trong 08 tuần, mỗi tuần học không quá 05 buổi, mỗi buổi học 03 tiết; tổng số: 45 tiết.

2. Học phần Tiếng Anh tăng cường Phần 2

a) Học online:

- Giáo trình: Basic 2 và một nửa Basic 3;

- Hình thức học: Sinh viên tự học, có sự giám sát, hỗ trợ online của giảng viên;

- Thời lượng: Học trong 08 tuần, mỗi tuần học không quá 05 unit, mỗi unit học trong 04 giờ; tổng số: 60 giờ.

b) Học offline:

- Nội dung học:

+ Ôn tập ED: Từ vựng, ngữ pháp, nói, viết;

+ Làm bài kiểm tra ED;

- Thời lượng: Học trong 08 tuần, mỗi tuần học không quá 05 buổi, mỗi buổi học 03 tiết; tổng số: 45 tiết.

Phụ lục 3

Giảng dạy và học tiếng Pháp tăng cường

1. Học phần Tiếng Pháp tăng cường Phần 1

a) Nội dung học:

- Học tập trung vào các kỹ năng đọc, viết;

- Thực hành kỹ năng nghe, nói ở mức thông thường.

b) Giáo trình: Festival 1.

c) Thời lượng: Học trong 08 tuần với tổng số 45 tiết trên lớp và 45 tiết tự học.

2. Học phần Tiếng Pháp tăng cường Phần 2

a) Nội dung học:

- Học tập trung vào các kỹ năng đọc, viết;

- Thực hành kỹ năng nghe, nói ở mức thông thường.

b) Giáo trình: Festival 2.

c) Thời lượng: Học trong 08 tuần với tổng số 45 tiết trên lớp và 45 tiết tự học.

Phụ lục 4

Giảng dạy và học tiếng Anh chính khoá

1. Học phần Tiếng Anh P1

a) Học online:

- Giáo trình: Một nửa Basic 3 và Intermediate 1;

- Hình thức học: Sinh viên tự học, có sự giám sát, hỗ trợ online của giảng viên;

- Thời lượng: Học trong 08 tuần, mỗi tuần học không quá 05 unit, mỗi unit học trong 04 giờ; tổng số: 60 giờ;

b) Học offline:

- Nội dung học:

+ Ôn tập ED: Từ vựng, ngữ pháp, nói, viết;

+ Làm bài kiểm tra ED;

+ Định hướng TOEIC;

- Thời lượng: Học trong 08 tuần, mỗi tuần học không quá 05 unit, mỗi unit học trong 04 giờ; tổng số: 60 giờ;

2. Học phần Tiếng Anh P2

a) Học online:

- Giáo trình: Intermediate 2 và một nửa Intermediate 3;

- Hình thức học: Sinh viên tự học, có sự giám sát, hỗ trợ online của giảng viên;

- Thời lượng: Học trong 08 tuần, mỗi tuần học không quá 05 unit, mỗi unit học trong 04 giờ; tổng số: 60 giờ;

b) Học offline:

- Nội dung học:

+ Ôn tập ED: Từ vựng, ngữ pháp, nói, viết;

+ Làm bài kiểm tra ED;

+ Định hướng TOEIC;

- Thời lượng: Học trong 08 tuần, mỗi tuần học không quá 05 unit, mỗi unit học trong 04 giờ; tổng số: 60 giờ;

3. Học phần Tiếng Anh chuyên ngành

a) Giáo trình: Tiếng Anh chuyên ngành Kiến trúc, Quy hoạch và Quản lý đô thị; Tiếng Anh chuyên ngành Xây dựng, Kỹ thuật hạ tầng và môi trường đô thị; Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại Học Kiến Trúc Hà Nội.

b) Nội dung học: Theo đề cương học phần Tiếng Anh chuyên ngành đã được Hiệu trưởng phê duyệt

c) Thời lượng:

- Nghe giảng lý thuyết và làm bài tập trên lớp 30 tiết, mỗi buổi 03 tiết;

- Tự học: 60 tiết.

Phụ lục 5

Giảng dạy và học tiếng Pháp chính khoá

1. Học phần Tiếng Pháp cơ bản

a) Nội dung: Theo đề cương các học phần tiếng Pháp cơ bản được Hiệu trưởng phê duyệt.

b) Giáo trình: Do Trung tâm Ngoại ngữ biên soạn ở cấp độ B1 với thời lượng 90 tiết.

c) Thời lượng: Mỗi học phần học trong 08 tuần, mỗi tuần học không quá 05 buổi, mỗi buổi học 03 tiết; tổng số: 45 tiết.

2. Giảng dạy học phần Tiếng Pháp chuyên ngành:

a) Nội dung: Theo đề cương các học phần Tiếng Pháp chuyên ngành đã được Hiệu trưởng phê duyệt.

b) Giáo trình: Bài giảng Tiếng Pháp chuyên ngành do Trung tâm Ngoại ngữ biên soạn.

c) Hình thức học:

- Phần học trên lớp có hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên tham gia các hoạt động thực hành ngôn ngữ theo định hướng chuyên ngành, làm việc với các văn bản khoa học trong lĩnh vực kiến trúc, xây dựng, quy hoạch.

- Phần tự học là các bài tập ứng dụng lý thuyết trên lớp, có kiểm tra và lấy điểm quá trình;

d) Thời lượng:

- Nghe giảng lý thuyết và làm bài tập trên lớp 30 tiết, mỗi buổi 03 tiết;

- Tự học: 60 tiết.